TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **66**/2024/HNGĐ-PT Ngày: 26/4/2024 *V/v: Ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết;

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hồng

Ông Ngô Tiến Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25, 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 31/2024/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 908/2023/HNGĐ-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 80/2024/QĐPT- HNGĐ ngày 01/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Chị NTH, sinh năm 1982.

ĐKHKTT: Phòng ****, U *** Khu đô thị VK, phường LK, quận HĐ, TP HN.

Hiện ở tại: thôn KN, xã NK, huyện ĐA, thành phố HN.

2. Bị đơn: Anh NTN, sinh năm 1970.

ĐKHKTT và nơi ở: Phòng ****, U *** Khu đô thị VK, phường LK, quận HĐ, TP HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:

Chị NTH và anh NTN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NK, huyện ĐA, Thành phố HN ngày 25/5/2006. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng.

Theo chị H trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong suốt quá trình chung sống anh N thể hiện rõ tính gia trưởng, ích kỷ, không coi vợ, gia đình vợ ra gì. Anh

N thường xuyên có lời nói, hành động bạo lực, nghi ngờ ghen tuông vô cớ, thường xuyên rượu chè, gây sự chửi bới xúc phạm danh dự nhân phẩm thậm chí tấn công đánh đập chị khiến cuộc sống của cả gia đình luôn căng thẳng và ngột ngạt, ảnh hưởng rất nhiều đến việc học hành, phát triển của các con. Chị đã nhiều lần phải ra ngoài sinh sống vì không chịu nổi sau đó vì thương các con nên lại quay về. Khi vợ chồng chị có con nhỏ, mẹ chị vì thương con sót cháu nên đến trông con giúp vợ chồng chị, chịu đựng bao vất vả vì con vì cháu nhưng anh N nhiều lần chửi bới cả mẹ chị, xưng mày tao với mẹ chị và chửi mẹ chị là con già. Tháng 3/2020 anh N chửi chị khi chị đang mang bầu, rồi cầm dao kề vào cổ mẹ chị dọa giết cả mẹ chị.

Đỉnh điểm mâu thuẫn xô xát vợ chồng là vào tháng 5/2022, anh N hắt cả xô nước đầy vào người mấy mẹ con bà cháu đang ngủ lúc khoảng 01 giờ sáng; dọa giết, đuổi mẹ chị ra khỏi nhà nên mẹ chị phải cầu cứu bố và anh trai chị từ ĐA sang đón mẹ. Khi bố và anh trai chị sang, anh N cầm dao hành hung khiến bố, anh trai chị bị thương phải khâu nhiều mũi. Sự việc đã phải báo Công an đến giải quyết. Vì thương các con, chị và gia đình đã phải bỏ qua sự việc để tiếp tục ở nuôi các con. Nhưng đến năm 2023, khi chị đi du lịch cùng cơ quan về, anh N lại tiếp tục có hành vi chửi bới đánh đập xúc phạm chị lúc nửa đêm. Anh N lập ban thờ để ảnh chị lên thắp hương khấn vái các cụ cho chị chết đi. Sau mâu thuẫn này chị thấy cuộc sống chung là không thể tiếp tục, chị không thể chịu đựng thêm được nữa nên đã về nhà bố mẹ để chị tại ĐA sinh sống từ 11/7/2023. Chị muốn mang con theo nhưng anh N không đồng ý và cấm cản các con không cho liên hệ với mẹ, cấm cản chị trong việc thăm nuôi con, và thường xuyên nhắn tin chửi bới chị rất tục tĩu, bậy bạ.

Mâu thuẫn của vợ chồng chị đến nay không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Nếu tiếp tục chung sống với anh N, chị có thể nguy hiểm đến tính mạng sức khỏe. Đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng cho chị được ly hôn càng sớm càng tốt để chị ổn định cuộc sống chăm sóc các con.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là: NMP, sinh ngày 06/12/2007; NMT, sinh ngày 28/3/2011; NMT, sinh ngày 04/9/2018; NPQ, sinh ngày 03/8/2020. Các con chung hiện đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Nguyện vọng của chị H là xin nuôi dưỡng cả 04 con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung 15.000.000 đồng mỗi tháng. Nếu không thể được giao cả 04 con chung thì chị xin được trực tiếp nuôi 02 con nhỏ vì các con chưa thể tự chăm sóc được bản thân, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, từ nhỏ đến nay các cháu đều do chị và mẹ chị trực tiếp chăm sóc. Hiện nay, gia đình bố mẹ chị vẫn tiếp tục hỗ trợ tốt cho chị trong việc chăm sóc các con. Anh N là đàn ông, mặt khác còn phải đi làm kiếm tiền nuôi con không thể chăm sóc tốt được cho các con

nhỏ. Chị H cung cấp hợp đồng lao động, xác nhận thu nhập hiện nay của chị; ý kiến của gia đình bố mẹ đẻ chị và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh NTN trình bày:***

Anh N nhất trí với trình bày của chị H về quá trình kết hôn, chung sống. Anh N cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nay chị H xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh N thống nhất với chị H, xác định vợ chồng có 04 con chung là: NMP, sinh ngày 06/12/2007; NMT, sinh ngày 28/3/2011; NMT, sinh ngày 04/9/2018; NPQ, sinh ngày 03/8/2020. Khi ly hôn, anh N xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con và yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) mỗi tháng. Anh N trình bày các con chung hiện nay đều đang sống ổn định, học hành ổn định tại nơi ở của bố. Nếu không thể được giao cả 04 con chung thì anh N xin được trực tiếp nuôi 02 con nhỏ. Anh N cho rằng hiện nay chị H còn đang phải ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ, đi làm rất xa nơi ở, bố mẹ đẻ chị H đều đã nhiều tuổi nên không đảm bảo giúp được chị H việc nuôi dưỡng tốt cho các con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 908/2023/HNGĐ-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTH với anh NTN. Xử cho chị NTH được ly hôn với anh NTN.

2. Về con chung: Chị NTH và anh NTN có 04 con chung là: NMP, sinh ngày 06/12/2007; NMT, sinh ngày 28/3/2011; NMT, sinh ngày 04/9/2018; NPQ, sinh ngày 03/8/2020. Các con chung hiện đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Giao chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là NMT, sinh ngày 28/3/2011; NMT, sinh ngày 04/9/2018.

Giao anh NTN trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là NMP, sinh ngày 06/12/2007; NPQ, sinh ngày 03/8/2020.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung theo Luật Hôn nhân gia đình và các Luật khác có liên quan.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 18/12/2023, nguyên đơn chị NTH kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giao cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu nhỏ là cháu NMT và cháu NPQ vì 02 cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ.

Ngày 23/4/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận được đơn đề nghị đề ngày 19/4/2024, chị H trình bày, do điều kiện thu nhập hiện nay không được ổn định, chị không có nhà riêng phải ở nhờ nhà bố mẹ tại ĐA rất chật chội, khoảng cách đi làm từ ĐA đến nơi chị làm là số ** phố PCT, quận HK, Thành phố HN Nội rất xa. Hơn nữa, cả 04 cháu vẫn đang ổn định ở với bố, điều kiện sinh sống và học tập sẽ được đảm bảo hơn so với việc ở với chị. Do vậy chị thay đổi nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án xem xét giao 04 con chung là cháu NMP, NMT, NMT, NPQ cho anh NTN trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng cho 02 cháu là 15.000.000 đồng/tháng. Chị cũng tự nguyện chịu trách nhiệm một phần các chi phí anh Thành đã trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu từ khi chị không ở nhà từ tháng 7/2023 đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét cho chị được nuôi 02 con nhỏ. Ngoài ra, các nội dung khác của bản án sơ thẩm thì chị không kháng cáo. Chị H hiện làm ở công ty chứng khoán của ngân hàng ACB, thu nhập chính khoảng hơn 14 triệu đồng/tháng. Chị xác định không gửi bất kỳ văn bản nào thể hiện nguyện vọng đồng ý giao cả bốn con chung cho anh N.

Anh NTN trình bày anh không kháng cáo bản án sơ thẩm, tuy nhiên, anh có nguyện vọng được nuôi cả bốn con chung và đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 15.000.000 đồng/tháng. Anh không đồng ý với kháng cáo của chị H xin nuôi cả bốn con chung. Hiện nay, cả bốn con đều đang ở với anh N và anh vẫn làm tốt việc chăm sóc các con. Anh N hiện làm công ty đầu tư, chức vụ quản lý và còn góp vốn làm ăn bên ngoài thu nhập tốt, thu nhập khoảng 50 triệu/tháng. Ngoài ra, anh yêu cầu chị H thanh toán cho anh số tiền chăm sóc các con từ khi chị H bỏ nhà ra đi từ tháng 7/2023 đến nay là 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm*:*

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa.

- Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án giao 2 con là cháu T và cháu Q cho chị nuôi. Chị H và anh N có 04 con chung, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh chị đều cung cấp các tài liệu chứng cứ về chỗ ở, nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định để chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét tình hình thực tế, cả 04 con chung đều chưa trưởng thành, đều cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của bố, mẹ. Tính đến thời điểm xét xử, cháu P hơn 16 tuổi, cháu T hơn 12 tuổi, cháu T hơn 05 tuổi và cháu Q hơn 03 tuổi. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H thừa nhận từ khi chị về nhà mẹ đẻ, cả bốn con vẫn ở cùng anh N, anh N là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dạy các cháu.

Các cháu vẫn ổn định và phát triển bình thường. Như vậy, xuất phát từ việc giao con cho ai nuôi là vì quyền lợi của trẻ cũng như xét về điều kiện hoàn cảnh và thực tế hiện nay cháu P và cháu T đã lớn, có thể tự chăm sóc bản thân giúp đỡ bố mẹ, chăm sóc các em trong sinh hoạt hàng ngày. Còn cháu P và cháu T trình bày nguyện vọng: Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu ở với ai cũng được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu NMT (Nữ; Sinh ngày 28/3/2011) và NMT (Nữ; Sinh ngày 04/9/2018) cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu NMP (Nữ; Sinh ngày 06/12/2007) và NPQ (Nam; Sinh ngày 03/8/2020) cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, là hợp tình, hợp lý, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế và đảm bảo quyền lợi của trẻ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của chị H giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[I]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị NTH nộp trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên là kháng cáo hợp lệ.

[II]. Về nội dung:

Về tình cảm: Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và xin ly hôn. Anh N cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn, đồng ý ly hôn. Chị H, anh N không kháng cáo quyết định về ly hôn nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về con chung: Chị NTH kháng cáo về phần con chung, đề nghị Tòa án xem xét giao hai con chung là cháu NMT và cháu NPQ cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì các cháu còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc nhiều hơn của người mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng anh N chị H có 04 con chung là NMP, sinh ngày 06/12/2007; NMT, sinh ngày 28/3/2011; NMT, sinh ngày 04/9/2018 và NPQ, sinh ngày 03/8/2020. Về điều kiện hoàn cảnh, nơi ở và thu nhập của anh N, chị H đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị H và anh N có 04 người con, hai cháu P (gần 17 tuổi) và cháu T (13 tuổi) đã lớn có thể phần nào tự chăm sóc cho mình và hỗ trợ bố mẹ chăm sóc các em nhỏ hơn. Do vậy tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu P và cháu Q cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu T và cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, có căn cứ pháp luật. Thực tế từ khi vợ chồng ly thân, anh N là người trực tiếp chăm sóc cả bốn con chung, các con vẫn phát triển bình thường. Tại phiên tòa, chị H cũng không giao nộp được chứng cứ chứng minh cho việc giao cháu T và cháu Q cho chị chăm sóc thì sẽ tốt hơn. Do vậy đơn kháng cáo của chị H không có căn cứ để chấp nhận.

Về ý kiến của anh N tại phiên tòa đề nghị Tòa án xem xét giao cả 04 con chung cho anh chăm sóc và yêu cầu chị H phải trả tiền chăm sóc 02 con chung trong khoảng thời gian chị bỏ nhà đi từ tháng 7/2023 đến nay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, anh N không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giải quyết yêu cầu này của anh N.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết và không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét. Giành quyền khởi kiện về tài sản cho các đương sự để được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[III].Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị NTH không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị NTH. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 908/2023/HNGĐ-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTH với anh NTN. Chị H được ly hôn với anh N.

1.2. Về con chung: Chị NTH và anh NTN có 04 con chung là: NMP, giới tính nữ, sinh ngày 06/12/2007; NMT, giới tính nữ, sinh ngày 28/3/2011; NMT, giới tính nữ, sinh ngày 04/9/2018; NPQ, giới tính nam, sinh ngày 03/8/2020. Các con chung hiện đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Giao chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là NMT, giới tính nữ, sinh ngày 28/3/2011; NMT, giới tính nữ, sinh ngày 04/9/2018.

Giao anh NTN trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là NMP, giới tính nữ, sinh ngày 06/12/2007; NPQ, giới tính nam, sinh ngày 03/8/2020.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung theo Luật Hôn nhân gia đình và các Luật khác có liên quan.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

1.3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét do các đương sự không có yêu cầu. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự trong vụ án khác (nếu có).

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 600.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo 02 biên lai số 0003865 ngày

05/10/2023 và biên lai số 0014778 ngày 22/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố HN;
- TAND quận HĐ, TPHN;
- Chi cục THADS quận HĐ, TP HN;
- UBND xã NK, huyện ĐA, TP HN
-Các đương sự;
-Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết